

Số: 289/2022/DS-PT

Ngày: 29/7/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Chí Anh

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Liên Anh  
Bà Nguyễn Thị Lan Anh

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hương Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:*** Ông Lê Đức Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 392/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DSST, ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện U, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2022/QĐ-PT ngày 15/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2022/QĐ-PT ngày 30/6/2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Vũ Hồng S, sinh năm 1976 (*có mặt tại phiên tòa*)

Địa chỉ: Phòng 302 nhà D5 phường PM, quận DD, HN.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Công N, sinh năm 1984 (*vắng mặt tại phiên tòa*)

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã HS, huyện U, thành phố HN.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Công S, sinh năm 1979
2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980
3. Cháu Nguyễn Công V, sinh năm 2002
4. Cháu Nguyễn Thu H, sinh năm 2006

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã HS, huyện U, thành phố HN

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Vũ Hồng S trình bày:***

Do có quen biết từ trước nên ngày 16/11/2019, anh Vũ Hồng S có cho anh Nguyễn Công N vay số tiền 110.000.000 đồng; thời hạn vay là 01 năm, lãi thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Việc vay tiền có lập văn bản là “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 16/11/2019, có chữ ký của anh Nguyễn Công N và anh Vũ Hồng S.

Để được vay tiền và đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của anh N, thì anh Nguyễn Công S là anh trai anh N có đứng ra viết giấy “cam kết thế chấp đảm bảo thanh toán vay” ngày 16/11/2019, kèm theo đó anh Nguyễn Công S đã đưa cho anh Vũ Hồng S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 235, tờ bản đồ số 33 diện tích 156m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn TĐ, xã HS, huyện U, TP. HN. Thửa đất được cấp giấy chứng nhận số B0 912831, vào sổ cấp số CH 00753 do UBND huyện U cấp ngày 03/7/2013, tặng cho anh Nguyễn Công S ngày 22/11/2017. Theo đó, anh Nguyễn Công S cam kết nếu anh N không trả được nợ cho anh thì anh có quyền sử dụng mảnh đất này.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì anh N đã trả được lãi 10 tháng là 22.000.000 đồng. Tháng thứ 11 và 12 anh N không trả đồng nào. Do dịch bệnh nên anh cũng thông cảm và không đòi anh N coi như 22.000.000 đồng đã bao gồm lãi tháng thứ 11 và 12.

Hết thời hạn vay tiền theo Giấy biên nhận anh N không thực hiện trả nợ như đã cam kết. Mặc dù anh S đã đòi nhưng anh N trây ỳ không trả. Để đảm bảo quyền lợi của mình, anh S đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện U, TP. Hà Nội yêu cầu Tòa án buộc anh N phải trả cho anh khoản nợ gốc là 110.000.000 đồng, và tiền lãi trong tháng thứ 11, 12 chưa trả với lãi suất 2%/tháng. Kể từ ngày 21/11/2020 thì anh N phải trả theo mức lãi suất là 1,66%/tháng cho đến khi anh N trả xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp anh N không trả được nợ thì anh Nguyễn Công S phải chuyển quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho anh để trừ nợ.

***Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2021, bị đơn anh Nguyễn Công N trình bày:***

Anh N thừa nhận có vay của anh Vũ Hồng S số tiền là 110.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm, lãi suất vay thỏa thuận miệng là 2%/tháng, không ghi trong giấy biên nhận vay tiền như anh S trình bày là đúng. Việc vay tiền giữa anh và anh HS các bên có viết giấy biên nhận vay tiền do anh là người viết. Trong thời gian vay anh đã trả cho anh HS được 10 tháng tiền lãi khoảng 22.000.000 đồng. Đối với việc anh Vũ Hồng S khởi kiện anh ra Tòa án thì anh không có quan điểm gì.

Anh N cũng xác nhận đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa do mẹ anh là bà Trọng Thị L giao và các văn bản tố tụng do UBND xã HS giao, nhưng anh không

có ý kiến gì và cũng không lên Tòa làm việc. Ngày 18/6/2021 Tòa án nhân dân huyện U tiến hành lấy lời khai của anh N , sau khi cung cấp lời khai anh N và thừa nhận đúng với lời khai của mình anh N từ chối ký vào biên bản lấy lời khai. Buổi làm việc ngày 18/6/2021 có sự chứng kiến của Cán bộ tư pháp, Cán bộ địa chính và xác nhận của UBND xã HS nơi anh N cư trú.

***Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công S và chị Nguyễn Thị H ngày 18/6/2021:*** Anh, chị thừa nhận việc anh N vay của anh Vũ Hồng S số tiền là 110.000.000 đồng. Việc vay mượn có viết giấy vay tiền, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Để đảm bảo cho khoản vay này thì anh Công Sơn có đưa cho anh HS giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 235, tờ bản đồ số 33, diện tích 156m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn TĐ, xã HS, huyện U, TP. Hà Nội. Thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 312831, vào sổ cấp giấy số CH 00753 do UBND huyện U cấp thay đổi tặng cho anh Nguyễn Công S ngày 22/11/2017. Anh có ký vào giấy thế chấp đảm bảo thanh toán của anh Vũ Hồng S ngày 16/11/2019. Vợ chồng anh không có ý kiến gì về việc anh HS khởi kiện anh N , cũng không có ý kiến gì về việc anh HS giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình. Việc Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh Công Sơn và chị Hà, anh chị đã được thông qua, công nhận đúng nhưng từ chối ký vào biên bản. Buổi làm việc ngày 18/6/2021 có sự chứng kiến của Cán bộ tư pháp, Cán bộ địa chính và xác nhận của UBND xã HS nơi anh Công Sơn và chị Hà cư trú.

Tại bản án sơ thẩm số 16/2021/DSST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện U, thành phố Hà Nội đã xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Hồng S

1. Buộc anh Nguyễn Công N phải trả lại cho anh Vũ Hồng S số tiền gốc là 106.333.334 đồng (Một trăm linh sáu triệu, ba trăm) và tiền lãi tạm tính đến ngày 24/9/2021 là 33.051.944 đồng (Ba mươi ba triệu, không trăm năm mươi một nghìn, chín trăm bốn mươi bốn đồng). Tổng là 139.385.278 ( Một trăm ba mươi chín triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng).

Kể từ ngày 25/9/2021, anh Nguyễn Công N tiếp tục phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468; điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự trên dư nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong.

2. Anh Vũ Hồng S tiếp tục được giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0912831, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00753 của thửa đất số 235, tờ bản đồ số 33, diện tích 156m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn TĐ, xã HS, huyện U, TP. Hà Nội do UBND huyện U cấp thay đổi tặng cho ông Nguyễn Công S ngày 22/11/2017 cho đến khi anh Nguyễn Công N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc, lãi, lãi phát sinh cho anh Vũ Hồng S .

Sau khi anh Nguyễn Công N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc, lãi, lãi phát sinh cho anh Vũ Hồng S thì anh Vũ Hồng S có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho anh Nguyễn Công S.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm, ngày 07/10/2021, nguyên đơn anh Vũ Hồng S đã có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị xem xét trách nhiệm của anh Vũ Công Sơn trong trường hợp anh Vũ Công Ninh tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tính lãi trong 4 ngày từ ngày 17/11/2020 đến ngày 20/11/2020 với lãi suất là 1,66%. Ngày 30/6/2022 anh Vũ Hồng S có đơn bổ sung yêu cầu kháng cáo, theo đó đề nghị Tòa án công nhận hiệu lực giao dịch “cam kết thế chấp đảm bảo thanh toán vay” ngày 16/11/2019; công nhận cho anh tiếp tục được giữ lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh Nguyễn Công S đã giao cho anh cho tới khi bên vay nợ hoặc bên bảo lãnh khoản vay thanh toán xong toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do đủ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do đó căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

*Về tố tụng:* Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

*Về nội dung:* Sau khi phân tích đánh giá, thấy rằng kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở để chấp nhận, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX bác đơn kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### *1. Về tố tụng:*

- Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nguyên đơn ông Vũ Hồng S nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định đã nộp tạm ứng án phí, do đó kháng cáo của ông Sơn hợp lệ về mặt hình thức.
- Đối với sự vắng mặt của bị đơn và những người liên quan, xét thấy các đương sự đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

2. *Về Nội dung*: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy

2.1. Đối với phần bản án sơ thẩm tuyên xử buộc anh Nguyễn Công N phải trả cho anh Vũ Hồng S số tiền 106.333.324 đồng nợ gốc và nợ lãi (tạm tính đến ngày 24/9/202) là 33.051.944 đồng, anh S không kháng cáo đối với khoản nợ gốc và lãi suất cấp sơ thẩm đã áp dụng để tính nợ lãi, mà chỉ kháng cáo đối với số tiền lãi do anh S cho rằng cấp sơ thẩm đã tính thiếu tiền lãi trong 04 ngày (từ ngày 17/12/2019 đến ngày 20/12/2019) với lãi suất là 1,66%. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/01/2021, các bản tự khai và biên bản lấy lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh Vũ Hồng S đều trình bày yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Công N trả cho anh số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 20/11/2020 tới ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, với lãi suất quá hạn là 2,5%/tháng.

Sau đó tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2021 và các lời khai tiếp theo anh S thay đổi yêu cầu, đề nghị Tòa án tuyên buộc anh N ngoài số tiền gốc phải trả cho anh, thì còn phải trả cho anh số tiền lãi của tháng thứ 11, 12 (là lãi trong hạn anh N chưa trả) và lãi quá hạn phát sinh từ ngày 21/11/2020 với mức lãi suất là 1,66%/tháng.

Xét thấy, việc vay nợ giữa anh Vũ Hồng S và anh Nguyễn Công N bắt đầu từ ngày 16/11/2019, thời hạn vay là một năm, do đó đến hết ngày 15/11/2020 là đã hết thời hạn vay, nên thời điểm tính lãi trong hạn của tháng thứ 11, 12 theo yêu cầu của anh N được xác định trong khoảng thời gian từ 16/9/2020 đến hết ngày 16/11/2020. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoản lãi vay trong hạn đến ngày 16/11/2020 là đã đảm bảo đúng quyền lợi cho nguyên đơn. Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên phần tính lãi trong hạn của tháng thứ 11, 12 của cấp sơ thẩm, với số tiền là 3.544.444 đồng.

2.2. Đối với thời điểm tính lãi quá hạn, do anh S chỉ đề nghị Tòa án xem xét tính lãi suất quá hạn bắt đầu từ ngày 21/11/2020 nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm tính lãi quá hạn theo yêu cầu của anh S là từ ngày 21/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2021) với lãi suất là 2,5%/tháng (cao hơn yêu cầu 1,66%/tháng của nguyên đơn) là có căn cứ và đã đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Kháng cáo của nguyên đơn đối với khoản tiền lãi quá hạn trong 4 ngày từ ngày 17/11/2020 đến ngày 20/11/2020 là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

2.3 Xét yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án tuyên buộc anh Nguyễn Công S phải liên đới thực hiện nghĩa vụ “người bảo lãnh” cụ thể là buộc anh S thay anh N trả nợ hoặc buộc anh S chuyển quyền sử dụng đất như cam kết, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét tính hợp pháp của văn bản “*cam kết thế chấp đảm bảo thanh toán vay của anh Vũ Hồng S*” ngày 16/11/2019.

Theo lời khai của các bên đương sự và theo nội dung của văn bản thì để đảm bảo cho khoản vay của anh Nguyễn Công N, anh Nguyễn Công S đã đưa cho anh Vũ Hồng S

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 912831, vào sổ cấp giấy số CH 00753 ngày 03/7/2013, đối với thửa đất số 235 tờ bản đồ số 33, diện tích 156m<sup>2</sup>, địa chỉ thôn TĐ, xã HS, huyện U, Hà Nội, do UBND huyện U cho ông Nguyễn Công Trường, bà Trọng Thị Lự, thay đổi tặng cho anh Nguyễn Công S ngày 22/11/2017. Trong trường hợp anh N không trả được nợ cho anh Vũ Hồng S thì anh HS có quyền sử dụng diện tích đất trên. Như vậy, bản chất của văn bản này là hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất) để đảm bảo khoản vay, mà không phải là hợp đồng bảo lãnh.

Theo Điểm a Khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013 và Khoản 1 Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm quy định: đối với Hợp đồng thế chấp tài sản phải thực hiện việc công chứng, chứng thực, đối với tài sản bảo đảm là bất động sản phải đăng ký biện pháp bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Như vậy văn bản “*cam kết thế chấp đảm bảo thanh toán vay của anh Vũ Hồng S*” ngày 16/11/2019 không đúng quy định về hình thức của Hợp đồng thế chấp tài sản, căn cứ Khoản Điều 117, Khoản 2 Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015 văn bản này không có giá trị pháp luật và không có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia giao kết. Do đó, đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Công S phải liên đới, thực hiện thay nghĩa vụ trả nợ của anh N hoặc phải giao quyền sử dụng thửa đất tại thôn TĐ, xã HS, huyện U, Hà Nội cho anh Vũ Hồng S là không có căn cứ để chấp nhận.

Những phân tích trên là căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

### *3. Về án phí:*

3.1. Án phí sơ thẩm: Giữ nguyên quyết định về án phí sơ thẩm của Bản án sơ thẩm

3.2. Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Vũ Hồng S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh S đã nộp theo Biên lai số 0057150 ngày 13/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 117, Khoản 2 Điều 119, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 167 Luật Đất đai năm 2013

- Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử***

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – anh Vũ Hồng S và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện U, thành phố Hà Nội, cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Hồng S ;

2. Buộc anh Nguyễn Công N phải trả cho anh Vũ Hồng S số tiền gốc là 106.333.334 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 24/9/2021 là 33.051.944 đồng; tổng là 139.385.278 (*Một trăm ba mươi chín triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi tám*) đồng.

Kể từ ngày 25/9/2021, anh Nguyễn Công N tiếp tục phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468; điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong.

3. Anh Vũ Hồng S tiếp tục được giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0912831, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00753 của thửa đất số 235, tờ bản đồ số 33, diện tích 156m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn TĐ, xã HS, huyện U, TP. Hà Nội do UBND huyện U cấp thay đổi tặng cho anh Nguyễn Công S ngày 22/11/2017 cho đến khi anh Nguyễn Công N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc, lãi, lãi phát sinh cho anh Vũ Hồng S .

Sau khi anh Nguyễn Công N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc, lãi, lãi phát sinh cho anh Vũ Hồng S thì anh Vũ Hồng S có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho anh Nguyễn Công S.

4. Về án phí:

4.1. *Về án phí sơ thẩm:*

- Anh Nguyễn Công N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.836.347 đồng (Sáu triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm bốn mươi bảy đồng)

- Anh Vũ Hồng S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp là 2.860.000 đồng (Hai triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002073 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U. Hoàn trả anh Vũ Hồng S số tiền còn lại là 2.560.000 đồng (Hai triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

4.2 *Về án phí phúc thẩm*

Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Vũ Hồng S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí

phúc thẩm anh S đã nộp theo Biên lai số 0057150 ngày 13/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Chí Anh**